

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày 20-5-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Nhị và bà Võ Thị Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-DS, ngày 08/01/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị M.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim L (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2018) – có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị Tr – Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm H – Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2018 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 12/11/2018, bà Phan Thị M cho chị Hoàng Thị Tr vay số tiền 458.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy tờ tay với nhau có chữ ký của chị Hoàng Thị Tr, hạn trả nợ là ngày 11/12/2018. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng. Đến hạn trả nợ bà M đã đòi nhiều lần nhưng chị Tr không trả được nợ. Bà M yêu cầu Tòa án buộc chị Tr phải trả số tiền gốc còn nợ là 458.000.000 đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử là 23.908.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hoàng Thị Tr trình bày: Chị Tr thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 12/11/2018 là của chị nhưng số tiền vay không phải là 458.000.000đ như trong giấy, số tiền vay gốc chỉ là 170.000.000đ, lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày, vay vào ngày 07/4/2018. Giấy vay tiền lần đầu thì hiện nay chị Tr không giữ mà do bà M giữ. Sau khi vay do chị Tr không trả được tiền lãi nên bà M đã cộng dồn cả tiền gốc và tiền lãi buộc chị Tr ký nhận nợ số tiền 458.000.000đ. Chị Tr cũng đã trả được cho bà M số tiền 115.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh việc cộng dồn nợ lãi vào gốc và việc trả tiền lãi. Số tiền chị Tr vay không liên quan đến chồng chị là anh Phạm H.

Chị Tr không có yêu cầu gì đối với số tiền 115.000.000đ tiền lãi đã trả, chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 170.000.000đ và xin được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Hoàng Thị Tr có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền gốc là 458.000.000đ và tiền lãi kể từ ngày vay 12/11/2018 theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy vay tiền đề ngày 12/11/2018 (giấy gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nguyên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Hoàng Thị Tr phải trả 458.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng

giữa bà M và chị Tr được xác lập vào ngày 12/11/2018 thời hạn trả nợ trong vòng 30 ngày; do chị Tr vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đến ngày 25/12/2018 bà M khởi kiện ra Toà án yêu cầu giải quyết nên đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Hoàng Thị Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa bà M và chị Tr được lập vào ngày 12/11/2018 thời hạn trả nợ là ngày 11/12/2018. Ngày 25/12/2018 bà M khởi kiện ra Toà án yêu cầu giải quyết đề nghị Tòa án buộc chị Tr trả nợ. Do vậy, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự (BLDS).

[4] Xét hợp đồng vay tài sản và yêu cầu của đương sự: Việc vay tiền giữa bà M và chị Tr thể hiện qua giấy vay tiền ghi ngày 12/11/2018 có chữ ký của chị Tr, việc vay tài sản giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện trong giấy vay nợ do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của phía bị đơn, việc vay tiền giữa các bên là có thật, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 BLDS. Về số tiền vay, chị Tr cho rằng chỉ vay số tiền gốc là 170.000.000đ và đã trả lãi 115.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày nhưng không có chứng cứ chứng minh, do đó chị Tr phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh, phải có nghĩa vụ đối với số nợ 458.000.000đ. Chị Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 BLDS.

Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS quy định:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...; 2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó...; 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Điều 463 BLDS quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 466 BLDS quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[5] Về lãi suất: Khi vay các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng hiện không xác định được mức lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS để xác định mức lãi suất chị Tr có nghĩa vụ trả cho bà M là 10%/năm của khoản tiền vay.

Điều 468 BLDS sự quy định:

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...".

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Cụ thể tiền lãi được tính như sau :

Tiền lãi từ ngày 12/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2019 đối với số tiền 458.000.000đ là: 06 tháng 08 ngày x 458.000.000đ x 0,833%/tháng = 23.908.000đ.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi chị Tr phải trả cho bà M là 481.908.000đ.

[6] Xét yêu cầu chị Hoàng Thị Tr trả nợ gốc 458.000.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vay 12/11/2018 với lãi suất 10%/năm của bà M là có căn cứ, cần chấp nhận.

[7] Đối với số tiền vay là do một mình chị Tr thực hiện, không liên quan đến chồng là anh Phạm H nên cần buộc một mình chị Tr có nghĩa vụ trả nợ cho bà M. Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với anh Phạm H để làm rõ việc liên quan đến khoản vay của chị Tr nhưng anh Hạnh vắng mặt không có lý do.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn chị Hoàng Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Phan Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143 ; Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M. Buộc chị Hoàng Thị Tr phải trả cho bà Phan Thị M số tiền nợ gốc là 458.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi tám triệu đồng*) và 23.908.000đ (*Hai mươi ba triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án một khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hoàng Thị Tr phải chịu 23.276.000đ (*Hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phan Thị M số tiền 11.357.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai số 0004694 ngày 08/01/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA